

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thông qua chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi
Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
KHOÁ XI, KỲ HỌP THỨ 13**

Căn cứ luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ Nghị định số: 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về việc Bồi thường hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số: 17/2006/NĐ-CP ngày 27/01/2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật đất đai và Nghị định số: 187/2004/NĐ-CP về việc chuyển Công ty Nhà nước thành công ty cổ phần;

Căn cứ Nghị định số: 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ, Quy định về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai;

Căn cứ Nghị định số: 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Thông tư liên tịch số: 14/2009/TT-BTNMT ngày 01/10/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và trình tự, thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất.

Xét Tờ trình số: 54/TTr-UBND ngày 26/11/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc đề nghị phê duyệt thực hiện chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách, ý kiến của các đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, với một số nội dung chủ yếu như sau:

1. Quy định về khu dân cư hình thành do lịch sử.

Khu dân cư hình thành được lịch sử thừa nhận thì xác định theo ranh giới của thửa đất ở ngoài cùng của làng, bản, thôn, xóm, với điều kiện khu vực vùng cao phải có từ 05 hộ trở lên, khu vực miền núi phải có từ 10 hộ trở lên, khu vực trung du phải có từ 15 hộ trở lên, các thửa đất ở thuộc khu dân cư này liền kề nhau hoặc cách nhau hai thửa đất khác nhưng không quá 50m.

2. Về giá bồi thường tài sản, vật kiến trúc trong trường hợp thực hiện bồi thường chậm thì được quy định như sau:

a) Bồi thường chậm do cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bồi thường gây ra mà giá tài sản, vật kiến trúc tại thời điểm bồi thường theo quy định của UBND tỉnh cao hơn tại thời điểm có quyết định thu hồi đất thì bồi thường theo giá tài sản, vật kiến trúc tại thời điểm chi trả bồi thường; nếu giá tài sản, vật kiến trúc tại thời điểm bồi thường thấp hơn giá tại thời điểm có quyết định thu hồi đất thì bồi thường theo giá tài sản, vật kiến trúc tại thời điểm có quyết định thu hồi đất.

b) Bồi thường chậm do người bị thu hồi đất gây ra mà giá tài sản, vật kiến trúc tại thời điểm bồi thường theo quy định của UBND tỉnh thấp hơn tại thời điểm có quyết định thu hồi đất thì bồi thường theo giá tài sản, vật kiến trúc tại thời điểm bồi thường; nếu giá tài sản, vật kiến trúc tại thời điểm bồi thường cao hơn giá tại thời điểm có quyết định thu hồi đất thì bồi thường theo giá tài sản, vật kiến trúc tại thời điểm có quyết định thu hồi đất.

3. Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất

a) Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp (kể cả đất vườn, ao và đất nông nghiệp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 21 Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ) thì được hỗ trợ ổn định đời sống, mức hỗ trợ được quy định như sau:

- Đất sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản: 8.000 đồng/m²;
- Đất rừng trồng sản xuất: 1.500 đồng/m²;

b) Hộ gia đình, cá nhân khi bị thu hồi đất phải di chuyển chỗ ở thì hỗ trợ ổn định đời sống là 6 tháng; mức hỗ trợ là: 250.000 đồng/khẩu/tháng.

c) Hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất thuộc diện hộ nghèo theo chuẩn nghèo do Chính phủ công bố trong từng thời kỳ thì được hỗ trợ một lần để thoát nghèo. Mức hỗ trợ: 180.000 đồng/khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ như sau:

- Hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất, bị phá dỡ nhà ở phải di chuyển chỗ ở thì thời gian hỗ trợ là 84 tháng; quy định này áp dụng cho cả trường hợp hộ gia đình vừa phải di chuyển chỗ ở vừa bị thu hồi đất nông nghiệp.

- Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp không phải di chuyển chỗ ở, bị thu hồi đất nông nghiệp đang sử dụng:

+ Diện tích thu hồi dưới 30% thì thời gian hỗ trợ 36 tháng, nhưng diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi tối thiểu phải từ 50m² trở lên.

+ Diện tích thu hồi từ 30% đến 50% thì thời gian hỗ trợ 48 tháng.

+ Diện tích thu hồi từ trên 50% đến 70% thì thời gian hỗ trợ 60 tháng.

+ Diện tích thu hồi trên 70% thì thời gian hỗ trợ 72 tháng.

4. Hỗ trợ đối với đất nông nghiệp trong khu dân cư và đất vườn, ao không được công nhận là đất ở.

a) Hỗ trợ đất vườn, ao trong cùng thửa đất ở và đất vườn, ao có nguồn gốc cùng thửa với đất ở: Hộ gia đình, cá nhân khi bị thu hồi đất vườn, ao trong cùng thửa đất ở hoặc có nguồn gốc cùng thửa đất ở trong khu dân cư nhưng không được

công nhận là đất ở; đất vườn, ao trong cùng thửa đất ở hoặc có nguồn gốc cùng thửa đất ở riêng lẻ; đất vườn, ao trong cùng thửa đất ở hoặc có nguồn gốc cùng thửa đất ở dọc kênh mương và dọc tuyến đường giao thông nhưng không được công nhận là đất ở thì ngoài việc được bồi thường theo giá đất nông nghiệp trồng cây lâu năm còn được hỗ trợ bằng 50% giá đất ở của thửa đất đó; diện tích được hỗ trợ bằng 05 lần hạn mức giao đất ở theo quy định tại Điều 4 Quyết định số: 1883/2005/QĐ-UBND ngày 16/9/2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh, nhưng không vượt quá diện tích đất vườn, ao bị thu hồi; diện tích còn lại (nếu có) chuyển sang hỗ trợ theo quy định tại điểm a khoản 5 điều này.

b) Hỗ trợ đất nông nghiệp thuộc địa giới hành chính phường: Hộ gia đình, cá nhân khi bị thu hồi đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường không thuộc khoản 1 Điều này, thì ngoài việc được bồi thường theo giá đất nông nghiệp còn được hỗ trợ bằng 20% giá đất ở trung bình của khu vực có đất thu hồi; diện tích được hỗ trợ bằng 1,5 lần hạn mức giao đất ở quy định tại Điều 4 Quyết định số 1883/2005/QĐ-UBND ngày 16/9/2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh, nhưng không vượt quá diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi; diện tích còn lại (nếu có) chuyển sang hỗ trợ theo quy định tại điểm a khoản 5 điều này.

c) Hộ gia đình, cá nhân khi bị thu hồi đất nông nghiệp trong khu dân cư thuộc thị trấn, khu dân cư nông thôn thuộc khu vực trung du; thửa đất nông nghiệp tiếp giáp với ranh giới phường, ranh giới khu dân cư nhưng thuộc địa giới hành chính thị trấn hoặc xã trung du thì ngoài việc được bồi thường theo giá đất nông nghiệp còn được hỗ trợ bằng 30% giá đất ở trung bình của khu vực có đất thu hồi; diện tích được hỗ trợ bằng 02 lần hạn mức giao đất ở quy định tại Điều 4 Quyết định số: 1883/2005/QĐ-UBND ngày 16/9/2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh, nhưng không vượt quá diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi; diện tích còn lại (nếu có) chuyển sang hỗ trợ theo quy định tại điểm a khoản 5 điều này.

d) Hộ gia đình, cá nhân khi bị thu hồi đất nông nghiệp khu dân cư nông thôn thuộc khu vực miền núi; thửa đất nông nghiệp tiếp giáp với ranh giới phường, ranh giới khu dân cư nhưng thuộc địa giới hành chính xã miền núi thì ngoài việc được bồi thường theo giá đất nông nghiệp còn được hỗ trợ bằng 40% giá đất ở trung bình của khu vực có đất thu hồi; diện tích được hỗ trợ bằng 03 lần hạn mức giao đất ở quy định tại Điều 4 Quyết định số: 1883/2005/QĐ-UBND ngày 16/9/2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh, nhưng không vượt quá diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi; diện tích còn lại (nếu có) chuyển sang hỗ trợ theo quy định tại điểm a khoản 5 điều này.

đ) Giá đất ở trung bình của khu vực có đất bị thu hồi theo quy định điểm b, điểm c, điểm d, khoản này do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt cho từng dự án.

e) Mức hỗ trợ quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản này không thấp hơn mức hỗ trợ quy định tại điểm a, khoản 5 điều này. Nếu thấp hơn thì áp dụng mức hỗ trợ theo quy định tại điểm a khoản 5 điều này.

5. Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm

a) Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp (không tính diện tích đất nông nghiệp đã được hỗ trợ theo quy định tại khoản 4 điều này), mà không có đất để bồi thường thì ngoài việc được bồi thường bằng tiền theo quy định, còn được hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc

làm. Mức hỗ trợ bằng tiền là 2,5 lần giá đất nông nghiệp đối với diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi; diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp theo quy định tại Điều 70 của Luật Đất đai, Điều 69 Nghị định số: 181/2004/NĐ-CP của Chính phủ.

b) Người trong độ tuổi lao động thuộc hộ gia đình, cá nhân được hỗ trợ theo quy định tại điểm a, khoản này, có nhu cầu được học nghề thì được miễn học phí đào tạo nghề cho 01 khóa học, theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

6. Hỗ trợ di chuyển

a) Hỗ trợ di chuyển chỗ ở của hộ gia đình, cá nhân: Là khoản hỗ trợ cho những hộ khi thực hiện giải phóng mặt bằng phải phá dỡ nhà, công trình để di chuyển chỗ ở. Thời gian phải di chuyển chỗ ở tối đa là 6 tháng, kể từ ngày thông báo giao đất tái định cư hoặc thông báo nhận tiền hỗ trợ để tự tìm nơi tái định cư, cụ thể như sau:

- Di chuyển chỗ ở trong phạm vi huyện, thành phố, thị xã, mức hỗ trợ: 2 triệu đồng/hộ;

- Di chuyển chỗ ở trong phạm vi tỉnh, mức hỗ trợ: 3 triệu đồng/hộ;

- Di chuyển chỗ ở ra ngoài tỉnh, mức hỗ trợ: 5 triệu đồng/hộ.

b) Hỗ trợ thuê nhà, thuê địa điểm sản xuất kinh doanh, làm việc

Hộ gia đình, cá nhân, tổ chức thực hiện di chuyển sớm hơn 6 tháng kể từ ngày thông báo giao đất ở tái định cư hoặc thông báo giao đất để di chuyển địa điểm làm việc, hoạt động sản xuất kinh doanh thì được hỗ trợ thuê nhà, thuê địa điểm làm việc, sản xuất kinh doanh như sau:

- Đối với hộ gia đình, cá nhân mức hỗ trợ là: 250.000đồng/khâu/tháng.

- Đối với tổ chức thì tính theo mét vuông sàn nhà bị phá dỡ; mức hỗ trợ là: 15.000đồng/m²/tháng.

7. Hỗ trợ tái định cư.

Các hộ tự nguyện không vào khu tái định cư đã bố trí, không có đất nông nghiệp phù hợp với quy hoạch để chuyển mục đích sang đất ở, thì chủ dự án thực hiện hỗ trợ bằng tiền để các hộ tự tìm nơi ở mới. Mức hỗ trợ được tính bằng 10% giá trị đất ở và đất nông nghiệp cùng thửa bị thu hồi được bồi thường nhưng tối thiểu không thấp hơn 25 triệu đồng.

8) Điều kiện được bố trí đất tái định cư

Trường hợp trong hộ gia đình có nhiều thế hệ (từ 02 cặp vợ chồng trở lên) cùng chung sống thì bố trí tái định cư như sau:

a) Trường hợp diện tích đất ở bị thu hồi nhỏ hơn hoặc bằng diện tích một ô (suất) đất ở tái định cư thì chỉ được bố trí một ô (suất) đất ở tái định cư.

b) Trường hợp diện tích đất ở bị thu hồi lớn hơn diện tích một ô (suất) đất ở tái định cư, ngoài việc bố trí một ô (suất) đất ở tái định cư cho chủ hộ, Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét bố trí thêm đất ở tái định cư.

9. Quy định chuyển tiếp

Những dự án đã có quyết định phê duyệt Phương án dự toán bồi thường, hỗ

trợ trước ngày 01/10/2009 và thông báo nhận tiền bồi thường thì thực hiện theo quyết định đã phê duyệt. Những dự án phê duyệt Phương án dự toán bồi thường, hỗ trợ sau ngày 01/10/2009 hoặc phê duyệt trước ngày 01/10/2009 nhưng chưa tổ chức chi trả tiền thì phê duyệt bổ sung theo Nghị quyết này.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định, hướng dẫn cụ thể và tổ chức triển khai thực hiện Quy định về thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật và nội dung Nghị quyết này.

Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Kinh tế và Ngân sách, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái nguyên khoá XI, kỳ họp thứ 13 thông qua ngày 12 tháng 12 năm 2009./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Bộ Tư pháp (Báo cáo);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (Báo cáo);
- TT Tỉnh uỷ (Báo cáo);
- UBMTTQVN tỉnh Thái Nguyên;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Thái Nguyên;
- UBND tỉnh Thái Nguyên;
- Các vị Đại biểu HĐND tỉnh khoá XI;
- Toà án nhân dân; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh uỷ, Văn phòng UBND tỉnh;
- TTHĐND và UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Lãnh đạo Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các phòng thuộc Văn phòng;
- Các Chuyên viên Phòng Công tác HĐND;
- Báo Thái Nguyên, Công báo tỉnh (để đăng);
- Lưu: VT, TH HĐND. th

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Vượng